TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 17/5/2019
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Phương Lan**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Th□ ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán—** Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Văng Thành C**, sinh năm 1964

Địa chỉ: □p TL, xã TM, huyện CM, tỉnh A.

(Ông C có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị **Thị Bích L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: □p TT, xã GT, huyện CT, tỉnh K.

(Chị Liên vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2018 và đơn sửa đổi đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019 của nguyên đơn Văng Thành C, bản tự khai của ông Văng Thành C, nội dung các phiên không hoà giải được ngày 13/9/2018, 12/11/2018, 21/11/2018, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

Ông Văng Thành C trình bày: Vào năm 2012, không nhớ ngày, tháng, tôi có bán cho chị Thị Bích L một giường hộp trị giá 8.500.000đ, bên mua hàng trả tiền mua giường hộp cho tôi làm 03 lần được tổng số tiền là 4.500.000đ, còn lại số tiền 4.000.000đ thì bên mua cứ hẹn lần, không trả cho tôi, tôi thưa ra Ban lãnh đạo ấp TT thì chị Thị Bích L cam kết thanh toán số tiền mua giường hộp còn lại cho tôi vào ngày 05/5/2017 âm lịch, có ký "Tờ cam kết" ngày 14/02/2017. Nhưng sau đó, chị L vẫn không thanh toán nợ cho tôi, Ban lãnh đạo ấp TT hòa giải ngày 19/10/2017 thì chị L hứa thanh toán số tiền mua

giường hộp còn lại cho tôi vào ngày 20/12/2017 và ngày 20/02/2018, mỗi lần thanh toán 2.000.000đ nhưng vẫn không thực hiện lời hứa. Ngày 24/7/2018, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Thị Bích L và anh Danh S (Chồng của chị Thị Bích L) phải hoàn trả cho tôi số tiền mua gi- ờng gốc là 4.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/10/2017 cho đến khi vụ án đ- ợc giải quyết. Ngày 26/9/2018, tôi sửa đổi đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc chị Thị Bích L phải hoàn trả cho tôi số tiền mua gi- ờng gốc là 4.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/10/2017 cho đến khi vụ án đ- ợc giải quyết, không yêu cầu anh Danh S phải hoàn trả số nợ nêu trên cho tôi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Thị Bích L theo quy định của pháp luật, nh- ng chị Thị Bích L vẫn cố tình trốn tránh, nên Tòa án không thu thập đ- ợc lời khai của chị Thị Bích L.

Tại phiên tòa, ông Văng Thành C yêu cầu Tòa án buộc chị Thị Bích L phải hoàn trả cho ông Văng Thành C số tiền mua gi- ờng gốc là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và số tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/10/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (17/5/2019), không yêu cầu anh Danh S phải có trách nhiệm cùng với chị L hoàn trả số nợ nêu trên cho ông C.

□ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Văng Thành C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do phát sinh tranh chấp trong quá trình thanh toán tiền mua bán giường hộp nên ông Văng Thành C khởi kiện chị Thị Bích L tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt chị Thị Bích L tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS, ngày 26/3/2019, Quyết định hoãn phiên toà số 06/2019/QĐST-DS, ngày 25/4/2019 cho chị Thị Bích L theo quy định của pháp luật, chị Thị Bích L vẫn vắng mặt tại phiên toà, đ- ợc sự thống nhất của ông Văng Thành C và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Thị Bích L theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Văng Thành C:

Tại phiên tòa, ông Văng Thành C vẫn khẳng định là vào năm 2012, không nhớ ngày, tháng, ông Văng Thành C có bán cho chị Thị Bích L một giường hộp trị giá 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng), bên mua hàng trả tiền mua giường hộp cho ông C làm 03 lần được tổng số tiền là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng), còn lại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) thì bên mua cứ hẹn lần, không trả cho ông C, ông C thưa ra Ban lãnh đạo ấp TT thì chị Thị Bích L cam kết thanh toán số tiền mua giường hộp còn lại cho ông C vào ngày 05/5/2017 âm lịch, có ký "Tờ cam kết" ngày 14/02/2017. Nhưng sau đó, chị L vẫn không thanh toán nợ cho ông C, Ban lãnh đạo ấp TT hòa giải ngày 19/10/2017 thì chị L hứa thanh toán số tiền mua giường hộp còn lại cho ông C vào ngày 20/12/2017 và ngày 20/02/2018, mỗi lần thanh toán 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhưng vẫn không thực hiện lời hứa. Ông Văng Thành C yêu cầu Tòa án buộc chị Thị Bích L phải hoàn trả cho ông C số tiền mua gi- ờng gốc là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và số tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/10/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (17/5/2019).

Xét rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Thị Bích L theo quy định của pháp luật, nh- ng chị Thị Bích L vẫn cố tình trốn tránh, nên Tòa án không thu thập đ- ợc lời khai của chị Thị Bích L. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Tòa án tại ấp TT thì ngày 14/02/2017, chị Thị Bích L có tự nguyện ký tên thừa nhận số nợ mua giường hộp của ông Văng Thành C là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) vào "Tờ cam kết" ngày 14/02/2017 do cán bộ ấp TT viết nội dung và chị Thị Bích L có đọc lại nội dung văn bản này trước khi chị L ký tên. Ngày 19/10/2017, chị L có tham gia phiên hòa giải tại trụ sở ấp TT, có tự nguyện thừa nhận số nợ mua giường hộp của ông Văng Thanh C và cam kết thanh toán số tiền mua giường hộp còn lại cho ông C vào ngày 20/12/2017 và ngày 20/02/2018, mỗi lần thanh toán 2.000.000đ (Hai triệu đồng), có ký tên vào biên bản họp hòa giải ngày 19/10/2017 (BL 02, 03, 42).

Như vậy, Tòa án có đủ căn cứ để buộc chị Thị Bích L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Văng Thành C số tiền mua gi- ờng hộp còn lại như sau:

- Số tiền gốc là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);

- Số tiền lãi từ ngày 19/10/2017 đến ngày 17/5/2019 là: {(4.000.000đ x 10%) : 12 tháng} x 18 tháng 28 ngày = 631.000 đ (Sáu trăm ba mươi mốt ngàn đồng)

Tổng số tiền gốc và lãi là 4.631.000đ (Bốn triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các tr- ờng hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng- ời đ- ợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ng- ời đ- ợc thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 t- ơng ứng với thời gian chậm thi hành án.

Việc các đ- ơng sự thanh toán số nợ nêu trên nh- thế nào thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Văng Thành C.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a, Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Tòa án buộc chị Thị Bích L phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Ông Văng Thành C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và đ- ợc hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Văng Thành C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006602, ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 440, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a, Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc chị Thị Bích L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Văng Thành C số tiền mua gi- ờng hộp còn lại với tổng số tiền gốc và số tiền lãi là 4.631.000đ (Bốn triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các tr- ờng hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng- ời đ- ợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ng- ời đ- ợc thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 t- ơng ứng với thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

Buộc chị Thị Bích L phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Ông Văng Thành C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và đ- ợc hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Văng Thành C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn

đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006602, ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/5/2019), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng